TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2018
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Tường Vy.

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Đức Dũng;

+ Ông Đinh Văn Phúc.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Quang Trực – Thư ký Tòa án

Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai**:** bà Lê Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: 281/2017/TLST–HNGĐ ngày 31/10/2017 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1992. HKTT: số 5, tổ 21, ấp C, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

2. Bị đơn: anh Mai Văn S - Sinh năm: 1993. HKTT: ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2017, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N bày:

- Quan hệ hôn nhân: chị và anh S tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký UBND xã L. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Từ đầu năm 2014, vợ chồng ly thân cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh S.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung cháu Mai Nguyễn Thành N, sinh ngày 21/02/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, về nợ chung: không có.

* Theo biên bản lấy lời khai 31/10/2017, bị đơn là anh Mai Văn S trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị N về cơ sở kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Tuy nhiên, về mâu thuẫn của vợ chồng thì anh cho rằng khi sống chung được hai tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn hay cãi vã nhau. Năm 2014, anh bị tai nạn thì vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: khi ly hôn anh yêu cầu giao cháu Mai Nguyễn Thành N, sinh ngày 21/02/2014 cho chị N nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa: Việc thu lý, thu thập chứng cứ, tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định. Việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và cho chị N trực tiếp nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị N và anh S tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh S. Vợ chồng có 01 con chung, khi ly hôn chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Như vậy, đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Tại biên bản xác minh (BL 22) ngày 16/01/2018 của Tòa án tại Công an xã L, bị đơn anh Mai Văn S có HKTT và hiện đang sinh sống tại ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh S đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh S là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01/2013, cấp ngày 18/7/2013. Vì vậy, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N với anh S, nhận thấy: Cả chị N và anh S đều thừa nhận vợ chồng có những mâu thuẫn trầm trọng mà không thể khắc phục và hàn gắn

mối quan hệ với nhau và vợ chồng đã ly thân đến nay đã 04 năm. Mặc dù, chị N và anh S không thống nhất với nhau về mâu thuẫn vợ chồng. nhưng cả chị N và anh S đều đồng ý ly hôn nên HĐXX ghi nhận ý kiến của cả 2 bên là cho chị N và anh S ly hôn với nhau.

- Về con chung: khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cháu Mai Nguyễn Thành N, sinh ngày 21/02/2014 và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S cũng đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng và không cấp dưỡng.

Xét thấy 2 bên thống nhất về việc giao cháu N cho chị Nguyệt trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn nên HĐXX ghi nhận ý kiến trên của 2 đương sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: chị Nguyễn Thị Nnộp 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn

* Về ý kiến của đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ phù hợp với quy định pháp luật và quan điểm của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật TTDS;

Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, của Luật HNGĐ năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N ly hôn với anh Mai Văn S.

- Về con chung: giao cháu Mai Nguyễn Thành N, sinh ngày 21/02/2014 cho chị Ntrực tiếp nuôi dưỡng

- Về cấp dưỡng: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2/ Về án phí: chị Nguyễn Thị N nộp 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại biên lai thu tiền số 004242 ngày 31/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CM;
- THA DS huyện CM;
- UBND xã L (61/2013)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Tường Vy